

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số : 62 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền**

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Thị Mơ

Phản biện 2: PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy

Phản biện 3: PGS.TS. Lê Thị Châu

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vào hồi giờ ... ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có vai trò quan trọng trong quản lý hoạt động thương mại quốc tế. Xác định trị giá hải quan phù hợp sẽ đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh...

Việt Nam đã thực hiện những bước cần thiết để sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan, đảm bảo các luật và qui định trong nước phù hợp với qui định của Tổ chức Thương mại Thế giới nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn quản lý Nhà nước về Hải quan cũng như giao lưu thương mại quốc tế. Việc áp dụng, thực hiện cơ chế xác định trị giá hải quan của hàng hoá xuất, nhập khẩu hợp lý và khoa học sẽ góp phần quản lý đúng trị giá giao dịch của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phản ánh đúng thực tế các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, các hoạt động thương mại quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, để có được những qui định của pháp luật về trị giá hải quan cho hàng hóa xuất, nhập khẩu khoa học, phù hợp với quốc tế và điều kiện thực tiễn Việt Nam hiện nay, đòi hỏi phải nhận thức đúng đắn về cơ sở lý luận và thực tiễn, từ đó đề ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan, tiến tới đạt được mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho thương mại, đảm bảo nguồn thu, chống thất thu cho NSNN.

Chính vì những lý do đó, việc tìm hiểu và nghiên cứu về trị giá hải quan và pháp luật về trị giá hải quan là hết sức cần thiết và NCS đã lựa chọn đề tài: **“Pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam”** làm luận án tiến sĩ luật học.

2. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về trị giá hải quan. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật

về trị giá hải quan ở Việt Nam và cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các quan điểm, học thuyết liên quan đến trị giá hải quan; khung pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình xác định trị giá hải quan, kiểm tra trị giá hải quan, tham vấn trị giá hải quan, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan và thực tiễn thi hành pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu một số nội dung chính của pháp luật về trị giá hải quan, cụ thể là các qui định về xác định trị giá hải quan, các qui định kiểm tra trị giá hải quan, các qui định tham vấn trị giá hải quan và các qui định về xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan. Đối với qui định về xác định trị giá hải quan, luận án chủ yếu nghiên cứu các phương pháp xác định trị giá hải quan theo Hiệp định trị giá GATT/WTO, trong đó, tập trung nghiên cứu phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa NK.

- Phạm vi không gian và thời gian: Từ thời điểm Luật Hải quan sửa đổi năm 2005 cho tới nay, giai đoạn những qui định về trị giá hải quan có sự thay đổi căn bản.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tiếp cận hệ thống, đa ngành và liên ngành khoa học xã hội và nhân văn trước hết là ngành luật học, xã hội học, và các phương pháp liên ngành như lịch sử, chính trị, kinh tế; Phương pháp hệ thống hóa, tổng hợp và phân tích, thống kê; Phương pháp nghiên cứu luật so sánh; Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình; Phương pháp tọa đàm khoa học và phỏng vấn chuyên gia; Phương pháp sử dụng số liệu thống kê từ các cơ quan quản lý, từ các doanh nghiệp.

5. Những đóng góp mới của Luận án

- Luận án đã xây dựng, khái quát thành lý luận pháp luật về trị giá hải quan: Khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung của pháp luật về trị giá hải quan; Luận án cũng đã lý giải và làm rõ những yếu tố tác động đến pháp luật về trị giá hải quan.

- Luận án đã phân tích thực trạng pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam và chỉ ra một số bất cập của pháp luật về trị giá hải quan

- Luận án cũng đã đưa ra những giải pháp chủ yếu để hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam và giải pháp hoàn thiện cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận, luận án đã góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản pháp luật về trị giá hải quan như: Khái niệm, đặc điểm, nội dung, vai trò và các nhân tố tác động đến pháp luật về trị giá hải quan.

Về mặt thực tiễn, luận án có giá trị tham khảo hữu ích cho các cơ quan lập pháp trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan; Đồng thời, luận án có thể là tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành luật, các trường khối kinh tế - tài chính. Luận án cũng có giá trị tham khảo đối với các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan.

7. Kết cấu của Luận án

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2. Một số vấn đề lý luận về pháp luật trị giá hải quan

Chương 3. Thực trạng pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam

Chương 4. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1 Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan đến pháp luật về trị giá hải quan chủ yếu tập trung vào các vấn đề liên quan đến Hiệp định Trị giá hải quan GATT/WTO.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Phần lớn các nội dung nghiên cứu chủ yếu dưới góc độ kinh tế, tập trung vào cách xác định trị giá hải quan, trị giá tính thuế đối với hàng hóa XK, NK. Do cách tiếp cận khác nhau, các công trình nghiên cứu trên chưa nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, thực trạng pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.3.1 Những vấn đề đã được giải quyết

1.1.3.2. Về những vấn đề còn bỏ ngỏ cần tiếp tục nghiên cứu

- Đa số các công trình nghiên cứu mang tính chất kinh tế học, vẫn còn ít công trình nghiên cứu khoa học mang tính lý luận và thực tiễn chuyên sâu để tiếp cận về khía cạnh pháp lý.

- Khái niệm pháp luật về trị giá hải quan chưa được đề cập.

- Còn thiếu vắng những phân tích về thực trạng các qui định về trị giá hải quan ở Việt Nam kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO cho đến nay.

- Còn thiếu những công trình nghiên cứu về giải pháp tổng thể hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam và đặt trong mối quan hệ với việc tạo lập khung pháp lý đầy đủ về trị giá hải quan trong điều kiện Việt Nam đang thực hiện các cam kết trong WTO.

Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu:

- Khái quát, xây dựng thành lý luận cơ bản pháp luật về trị giá hải quan như khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật về trị giá hải quan, nội dung của pháp luật về trị giá hải quan và các nhân tố tác động tới pháp luật về trị giá hải quan.

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam, giúp đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam và các giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam.

1.2. Cơ sở lý thuyết

Các câu hỏi nghiên cứu

- Trị giá hải quan được tiếp cận dưới góc độ nào? Bản chất của trị giá hải quan?

- Pháp luật về trị giá hải quan được hiểu như thế nào? Những đặc trưng cơ bản và nội dung điều chỉnh chủ yếu của pháp luật về trị giá hải quan? Pháp luật về trị giá hải quan có tác động như thế nào đối với quản lý nhà nước về hải quan và đối với hoạt động xuất, nhập khẩu?

- Thực trạng pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam?

- Giải pháp cụ thể nào cho việc hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam? Các giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam?

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT TRỊ GIÁ HẢI QUAN

2.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về trị giá hải quan

2.1.1. Khái niệm pháp luật về trị giá hải quan

2.1.1.1. Khái niệm trị giá hải quan

Trị giá hải quan là giá thực tế của hàng hoá XK, NK dùng cho các mục đích quản lý Nhà nước về hải quan trong từng thời kỳ.

2.1.1.2. Khái niệm pháp luật về trị giá hải quan

Pháp luật về trị giá hải quan là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình xác định trị giá hải quan, kiểm tra trị giá hải quan, tham vấn trị giá hải quan, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan.

2.1.2. Đặc điểm của pháp luật về trị giá hải quan

2.1.2.1. Đặc điểm về chủ thể pháp luật trị giá hải quan

2.1.2.2. Đặc điểm về đối tượng điều chỉnh

2.1.2.3. Đặc điểm về nguồn luật

2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về trị giá hải quan

2.2.1. Quy định về xác định trị giá hải quan

- Thứ nhất, qui định về các phương pháp xác định trị giá hải quan và nguyên tắc áp dụng các phương pháp xác định trị giá hải quan.

Phương pháp xác định trị giá hải quan là cách thức tính toán trị giá của hàng hóa XK, NK. Theo Hiệp định trị giá GATT/WTO đưa ra 06 phương pháp xác định trị giá hải quan cho hàng hoá nhập khẩu và qui định trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu là trị giá giao dịch, tức là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán sau khi được điều chỉnh. Sáu phương pháp gồm: Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa NK; Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa NK giống hệt; Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa NK tương tự; Phương pháp trị giá khấu trừ; Phương pháp trị giá tính toán; Phương pháp trị giá suy luận.

- *Thứ hai*, qui định về điều kiện áp dụng và cách tính toán trị giá hải quan của từng phương pháp. Mỗi phương pháp xác định trị giá hải quan đều có điều kiện áp dụng nhất định và cách tính toán, xác định trị giá hải quan cụ thể.

2.2.2. Qui định về kiểm tra trị giá hải quan

- Qui định về phương pháp kiểm tra trị giá hải quan:
- Qui định về nội dung kiểm tra trị giá hải quan: Qui định về kiểm tra tờ khai trị giá; Qui định về kiểm tra điều kiện mua bán...

2.2.3. Qui định về tham vấn trị giá hải quan

- Qui định về hình thức tham vấn trị giá hải quan: Tham vấn trực tiếp và tham vấn bằng văn bản.

- Qui định về các trường hợp tham vấn trị giá hải quan:

- Qui định về nội dung tham vấn trị giá hải quan:

- Qui định về quy trình tham vấn trị giá hải quan:

2.2.4. Qui định về xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan

2.2.4.1. Qui định xử lý vi phạm pháp luật về trị giá hải quan

Vi phạm pháp luật về trị giá hải quan là một trong những hành vi vi phạm pháp luật thuế, vi phạm pháp luật hải quan. Các hành vi vi phạm pháp luật về trị giá hải quan là các hành vi cố ý không khai hoặc khai sai khác về trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2.2.4.2. Qui định giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan

Giải quyết tranh chấp trị giá hải quan là việc giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng, xung đột phát sinh giữa cơ quan Hải quan và người khai hải quan trong quá trình xác định trị giá hải quan, kiểm tra trị giá hải quan và tham vấn trị giá hải quan.

2.3. Vai trò của pháp luật về trị giá hải quan

2.3.1. Pháp luật về trị giá hải quan là công cụ pháp lý quan trọng trong việc bảo hộ, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hóa trong nước

Thông qua các quy định chặt chẽ của pháp luật về xác định trị giá hải quan, kiểm tra trị giá hải quan, tham vấn trị giá hải quan... pháp luật về trị giá hải quan đã góp phần đảm bảo cho nền kinh tế ổn định, bảo hộ sản xuất tiêu dùng trong nước. Mặt khác, pháp luật về trị giá hải quan góp phần vào điều tiết các hoạt động kinh tế, tài chính của quốc gia, thông qua quản lý trị giá hải quan đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý thu nộp thuế hàng hóa xuất nhập khẩu, thu phí và lệ phí hải quan và các nguồn thu tài chính khác, góp phần không nhỏ vào nguồn tài chính tạo ngân sách Nhà nước.

2.3.2. Pháp luật về trị giá hải quan là cơ sở pháp lý để kiểm soát đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, đấu tranh phòng, chống gian lận thương mại qua trị giá hải quan

2.3.3. Pháp luật về trị giá hải quan tạo cơ sở pháp lý phù hợp để Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế về trị giá hải quan

Các quốc gia khi gia nhập WTO cần phải có một hệ thống pháp luật minh bạch, phù hợp theo các yêu cầu của WTO trong các lĩnh vực như thương mại hàng hóa, sở hữu trí tuệ, thuế quan... để tạo ra môi trường công bằng. Yêu cầu về sự tương thích giữa pháp luật nội địa và các chuẩn mực pháp lý của WTO là một trong những đòi hỏi bắt buộc chúng ta phải cam kết và triệt để tuân thủ. Hiệp định trị giá hải quan GATT 1994 là một trong những cam kết mà các nước thành viên của WTO phải thực hiện.

2.3.4. Pháp luật về trị giá hải quan là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

Trên cơ sở một hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh, các hoạt động XK, NK, hoạt động thương mại quốc tế được đặt trong một hành lang pháp lý vững chắc. Các quy định của pháp luật về trị giá hải quan sẽ tạo ra các căn cứ, cơ sở để hình thành các hành vi xử sự phù hợp với yêu cầu, định hướng do nhà nước đặt ra.

2.4. Những yếu tố tác động đến pháp luật về trị giá hải quan

2.4.1. Chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước

2.4.2. Mức độ hội nhập kinh tế quốc tế, mức độ cam kết và tham gia các điều ước quốc tế

2.4.3. Chính sách thương mại, chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

2.4.4. Phương pháp quản lý Nhà nước về Hải quan

2.4.5. Tác động của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Hải quan

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN Ở VIỆT NAM

3.1. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam

3.2. Các qui định về xác định trị giá hải quan ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng

3.2.1 *Thực trạng các qui định về xác định trị giá hải quan ở Việt Nam*

- Pháp luật Việt Nam về trị giá hải quan qui định cụ thể phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng XK, NK.

- Bổ sung qui định xác định trị giá hải quan cho hàng hóa NK trong trường hợp tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan chưa có giá chính thức, được khai báo theo giá tạm tính, nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu.

- Qui định về “cửa khẩu nhập đầu tiên” đã rõ ràng, cụ thể hơn.

- Qui định về cơ chế xác định trước trị giá hải quan: Về cơ bản đã phù hợp với các khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi, các qui định trong các Hiệp định thương mại và khá tương đồng với các qui định về hoạt động phán quyết trước của một số nước như Mỹ, Úc, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore...

- Qui định về các khoản điều chỉnh cộng, các khoản điều chỉnh trừ khi xác định trị giá hải quan theo phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa NK. Trên cơ sở qui định của Hiệp định trị giá GATT/WTO, Việt Nam đã nội luật hóa phù hợp với tình hình điều kiện thực tế và theo qui định của pháp luật hiện hành, các khoản điều chỉnh gồm các khoản điều chỉnh cộng và các khoản điều chỉnh trừ.

- Bổ sung quy định về phương pháp phân bổ khoản điều chỉnh cộng trong trường hợp đủ điều kiện để cộng vào trị giá hàng hóa NK nhưng hợp đồng mua bán hoặc các chứng từ, tài liệu liên quan đến khoản điều chỉnh

cộng đó không ghi chi tiết cho từng loại hàng hóa, thì người khai hải quan được lựa chọn phương pháp phân bổ quy định (trừ các khoản điều chỉnh có quy định phân bổ riêng)...

- Quy định về phí vận tải quốc tế trong khoản điều chỉnh cộng vào trị giá hải quan: Không liệt kê chi tiết các loại phí cấu thành phí vận tải; Bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu, nguồn thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu...

3.2.2. Những bất cập, khó khăn, vướng mắc về xác định trị giá hải quan ở Việt Nam qua thực tiễn áp dụng

Khoản 7, Điều 2, Thông tư số 39/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 qui định: Hàng hóa có trị giá được coi là “xấp xỉ” với nhau nếu sự chênh lệch giữa chúng do các yếu tố khách quan tác động. Đây mới chỉ là những tiêu chí mang tính định tính, chưa xác định cụ thể được mức độ như thế nào được coi là xấp xỉ.

Qui định điều kiện để cộng các khoản điều chỉnh: Tại điểm b, Khoản 1, Điều 13 của Thông tư số 39/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 qui định để cộng thêm khoản điều chỉnh vào trị giá hải quan, các khoản điều chỉnh phải đáp ứng điều kiện liên quan đến hàng nhập khẩu. Nhưng lại không giải thích thuật ngữ thế nào là liên quan đến hàng nhập khẩu, không đưa ra các tiêu chí để xác định các khoản điều chỉnh liên quan đến hàng nhập khẩu. Chỉ quy định riêng các tiêu chí liên quan đến hàng nhập khẩu đối với khoản điều chỉnh là phí bản quyền, phí giấy phép.

Qui định về xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa NK đã qua sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, quy định này chưa thực sự phù hợp với các trường hợp hàng hóa nhập khẩu là máy móc thiết bị sản xuất của các doanh nghiệp chế xuất, đặc biệt là máy móc đòi hỏi độ chính xác cao, có vòng đời ngắn.

Qui định về điều kiện để được xác định trước trị giá hải quan: “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị

giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh”. Theo kinh nghiệm của các nước, đã thực hiện phán quyết trước, và hoạt động thương mại quốc tế là đa dạng, linh hoạt, xác định trước là cơ sở để doanh nghiệp lập kế hoạch kinh doanh, vì vậy không nên tạo khung pháp lý, nên bỏ các điều kiện xác định trước trị giá hải quan.

- DN chưa tự giác tuân thủ các quy định của pháp luật trong khai báo trị giá hải quan. Gian lận thương mại qua trị giá hải quan như ghi thấp giá giao dịch trong hợp đồng thương mại, hóa đơn thương mại, ghi giảm các khoản điều chỉnh cộng... Hay các trường hợp khai tăng trị giá hải quan nhằm mục đích chuyển giá.

3.3. Các qui định về kiểm tra trị giá hải quan ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng

3.3.1. Thực trạng các qui định về kiểm tra trị giá hải quan ở Việt Nam

Tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT - BTC ngày 25/03/2015 quy định: “Nguồn thông tin, xây dựng, bổ sung, sửa đổi mức giá tham chiếu kèm theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá”: Quy định này thể hiện việc lấy thông tin để cơ quan Hải quan xây dựng mức giá kiểm tra đã được quy định minh bạch hơn, không chỉ dựa trên thông tin của Hải quan mà còn bao gồm cả các nguồn thông tin ở bên ngoài ngành... nhằm bảo đảm có mức giá kiểm tra là minh bạch và gần nhất với trị giá hải quan thực sự của hàng hóa.

Quy định về xử lý kết quả kiểm tra trị giá hải quan được quy định tại điểm 2, điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015: “Nếu người khai hải quan không đồng ý với cơ sở bác bỏ trị giá khai báo hoặc quá thời hạn 05 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo mà không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo và chuyển các cơ sở bác bỏ trị giá khai báo để thực hiện kiểm tra sau thông quan”; “Quá

thời gian 05 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo, người khai hải quan không nộp bổ sung hồ sơ, chứng từ theo yêu cầu hoặc không đề nghị tham vấn, cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo, chuyển các nghi vấn để thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định”. Theo quy định này, sẽ giảm thời gian thông quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động XK, NK. DN được thông quan hàng hóa nếu đã nộp xong tiền thuế theo giá khai báo mà không cần phải tham vấn tại khâu thông quan. DN cũng không cần phải đặt khoản bảo đảm kể cả trong trường hợp hải quan xác định có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo hoặc có dấu hiệu nghi vấn trị giá khai báo thấp hơn cơ sở dữ liệu trị giá của cơ quan Hải quan. Những trường hợp này sẽ chuyển nghi vấn sang kiểm tra sau thông quan.

3.3.2. Những bất cập, khó khăn, vướng mắc về kiểm tra trị giá hải quan ở Việt Nam qua thực tiễn áp dụng

Qui định về tiêu chí xây dựng, bổ sung, sửa đổi mặt hàng trong Danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về trị giá, tại Điều 24 Thông tư số 39/2015/TT - BTC ngày 25/03/2015, Khoản 1, chưa thể hiện rõ thế nào là hàng hóa có kim ngạch NK lớn, lớn là bao nhiêu hoặc hàng hóa được đánh giá có tần suất vi phạm cao, có mức độ rủi ro cao trong xác định trị giá hải quan chưa được quy định rõ ràng. Đối với hàng NK, mới chỉ có tiêu chí xây dựng, bổ sung, sửa đổi đối với hàng hóa có rủi ro khai giảm trị giá NK, còn trường hợp hàng hóa có rủi ro khai tăng trị giá NK... thì chưa được quy định.

Quy định về kiểm tra trị giá hải quan tại Khoản 1, Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015: “Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra trị giá hải quan do người khai hải quan khai trên tờ khai hải quan để xác định các trường hợp có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo và các trường hợp có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ”. Theo quy định này, cơ quan Hải quan chỉ kiểm tra trị giá trên tờ khai hải quan, không kiểm tra trên tờ khai trị giá hải quan kể cả trong trường hợp phải khai trên tờ khai trị giá hải quan.

Tại điểm a, Khoản 1, Điều 25 lại quy định: “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai không đúng, không đủ các chỉ tiêu liên quan đến trị giá hải quan trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu; tờ khai hàng hóa nhập khẩu hoặc tờ khai trị giá (nếu có)”... Việc kiểm tra trị giá sẽ được thực hiện trên tờ khai hải quan và trên tờ khai trị giá (nếu có) đối với các trường hợp phải khai trị giá hải quan trên tờ khai trị giá.

Quy định về kiểm tra trị giá hải quan đối với hàng hóa XK, NK có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ, tại điểm b, Khoản 1, Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015: Quy định này mới chỉ dừng lại ở việc kiểm tra trị giá đối với các trường hợp có nghi vấn trị giá khai báo thấp hơn thông tin rủi ro về trị giá tại cơ sở dữ liệu giá, chưa có quy định đối với các trường hợp khai tăng trị giá hải quan, có nghĩa là DN khai trị giá hải quan cao hơn so với thông tin rủi ro về trị giá tại cơ sở dữ liệu trị giá. Thực tế, có trường hợp gian lận thương mại qua trị giá hải quan thông qua hình thức khai tăng trị giá hải quan nhằm mục đích chuyển lậu lợi nhuận vốn đầu tư ra nước ngoài, chuyển giá, trốn thuế thu nhập...

3.4. Các qui định về tham vấn trị giá hải quan ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng

3.4.1. Thực trạng các qui định về tham vấn trị giá hải quan ở Việt Nam

Tham vấn trị giá hải quan góp phần quan trọng trong việc bảo đảm thu đúng, thu đủ thuế cho NSNN, thúc đẩy việc thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan và việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về quản lý hải quan, Tham vấn, xác định trị giá góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp điển hình, tại Cục Hải quan Hải Phòng, năm 2014, qua tham vấn xác định trị giá, truy thu về NSNN gần 330 tỷ đồng, tăng 48,6% so với năm 2013. Cục Hải quan Hải Phòng đã thực hiện tham vấn xác định trị giá đối với 8.871 tờ khai hải quan và tiến hành truy

thu thêm vào ngân sách số 329,993 tỷ đồng. Trong đó, kiểm tra tại khâu thông quan 3.154 tờ khai, bác bỏ trị giá khai báo 1.075 tờ khai, ấn định số thuế tăng thêm 212,669 tỷ đồng; tại khâu kiểm tra sau thông quan, kiểm tra 5.717 tờ khai, ấn định thuế tăng thêm 117,324 tỷ đồng. Các mặt hàng tập trung kiểm tra về giá tại Hải quan Hải Phòng là ô tô, xe máy, điều hòa nhiệt độ, máy giặt, tủ lạnh, gạch, thép các loại, kính các loại... Thông qua công tác tham vấn Cục Hải quan Hải Phòng thu về ngân sách 112,086 tỷ đồng, tính từ đầu năm đến hết ngày 30/06/2015, đã tham vấn 3.437 tờ khai. Trong đó, bác bỏ trị giá khai báo của DN đối với 1.151 tờ khai (tỷ lệ đạt 33,5%); chấp nhận khai báo của DN đối với 2.286 tờ khai (trong đó có 621 trường hợp chuyển thực hiện kiểm tra sau thông quan)...

Các quy định về tham vấn trị giá hải quan ngày càng tạo thuận lợi cho hoạt động XK, NK, tạo thuận lợi cho các DN. DN chủ động đề nghị cơ quan Hải quan tham vấn trị giá hải quan cho hàng hóa XK, NK.

Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, tham vấn giá giúp phát hiện các trường hợp gian lận thương mại qua trị giá hải quan, các trường hợp chuyển giá của các công ty đa quốc gia hoặc các tổ chức tội phạm rửa tiền quốc tế.

3.4.2. Những bất cập, khó khăn, vướng mắc về tham vấn trị giá hải quan ở Việt Nam qua thực tiễn áp dụng

Qui định về thời gian hoàn thành tham vấn trong khâu thông quan, được qui định tại điểm đ, Khoản 3, Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015: "Thời gian hoàn thành tham vấn: Tối đa 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan" là chưa phù hợp. Vì tại Hiệp định trị giá GATT, Nghị định và Thông tư hướng dẫn xác định trị giá hải quan qui định có thể lấy dữ liệu hàng hoá giống hệt, tương tự với hàng hoá nhập khẩu đang cần xác định trị giá trong khoảng thời gian trước và sau 60 ngày kể từ ngày mở tờ khai hải quan cho lô hàng nhập khẩu, trong trường hợp phức tạp có thể mở rộng đến 90 ngày. Như vậy, nếu

dữ liệu có sau ngày thứ 30 (từ ngày thứ 31 về sau) mà cơ quan hải quan đã xác định trị giá cho DN (hoặc chấp nhận trị giá) thì phải xác định thế nào.

Quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 trách nhiệm của cơ quan Hải quan: "Tổ chức tham vấn theo đề nghị của người khai hải quan, kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu do người khai hải quan nộp để làm rõ các dấu hiệu nghi vấn trị giá khai báo". Tham vấn trị giá hải quan thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro về giá là thực hiện quản lý rủi ro về mặt hàng. Nhưng quy định hiện hành lại chuyển quản lý rủi ro về DN. Quyền chủ động trong việc tham vấn giá thuộc về DN. DN chủ động đề nghị tham vấn. DN được hưởng nhiều quyền lợi hơn trong khi nghĩa vụ nộp ngân sách lại không đề cập.

Quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC: "Quá thời gian 05 ngày kể từ ngày cơ quan hải quan thông báo, người khai hải quan không nộp bổ sung hồ sơ, chứng từ theo yêu cầu hoặc không đề nghị tham vấn, cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo, chuyển các nghi vấn để thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định". Theo quy định này, DN không đề nghị tham vấn, không xuất trình bổ sung chứng từ, ... trong trường hợp có dấu hiệu nghi vấn nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan Hải quan đều không có quyền ấn định giá tính thuế mà phải chuyển kiểm tra sau thông quan tại trụ sở DN trong thời hạn 30 ngày.

Quy định về thẩm quyền tham vấn tại điểm a, Khoản 3, điều 25 Thông tư số 38/2015/TT – BTC: Theo quy định này, tham vấn tập trung ở cấp Cục, nhưng trên thực tế nghiệp vụ này chủ yếu diễn ra ở cấp Chi cục... Điều này khiến cho việc quản lý giá không được đồng bộ, việc tiếp cận cũng như cung cấp thông tin giữa các Chi cục, giữa các Chi cục với các Cục Hải quan và Tổng cục Hải quan không đầy đủ, chính xác.

3.5. Các qui định về xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan và thực tiễn áp dụng

3.5.1 Thực trạng qui định về xử lý vi phạm pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng

Vi phạm hành chính về trị giá hải quan thuộc loại vi phạm các quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa XK, NK. Các qui định xử phạt vi phạm hành chính về hải quan nói chung, về trị giá hải quan nói riêng đã tạo khung pháp lý, tạo điều kiện cho công tác xử phạt vi phạm hành chính về hải quan được thực hiện thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, hiện nay, chỉ có nhóm vi phạm các quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa XK, NK, chưa có qui định cụ thể, chi tiết hành vi vi phạm pháp luật về trị giá hải quan, nên khung phạt tiền, hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả còn chưa phù hợp với thực tiễn.

Chưa quy định hành vi và chế tài xử phạt đối với vi phạm liên quan đến trường hợp khai tăng trị giá hải quan nhằm mục đích chuyển giá, chuyển lậu lợi nhuận, vốn đầu tư ra nước ngoài...

3.5.2. Thực trạng qui định giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng

Tranh chấp về trị giá hải quan ở Việt Nam chủ yếu phát sinh trong quá trình xác định trị giá hải quan. Tranh chấp trị giá hải quan là tranh chấp hành chính có liên quan đến việc xác định trị giá hải quan, kiểm tra, tham vấn trị giá hải quan. Hiện nay, ở Việt Nam giải quyết tranh chấp về trị giá hải quan theo hai thủ tục: thủ tục khiếu nại theo Luật khiếu nại và thủ tục tố tụng tại tòa án theo Luật tố tụng hành chính. Thực tế, tranh chấp trị giá hải quan ở Việt Nam hiện nay chủ yếu giải quyết theo thủ tục hành chính.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN Ở VIỆT NAM

4.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan

4.1.1. Hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan phải gắn với mục tiêu phát triển của Hải quan Việt Nam

4.1.2. Hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan phải phù hợp với định hướng cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực hải quan

4.1.3. Hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan nhằm tạo sự tương thích giữa các qui định của pháp luật Việt Nam với các cam kết quốc tế về trị giá hải quan

4.1.4 Hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp chủ động trong hạch toán kinh doanh

4.1.5 Hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan phải đảm bảo sự quản lý nhà nước và phòng, chống gian lận thương mại qua trị giá hải quan

4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam

4.2.1. Hoàn thiện các qui định về xác định trị giá hải quan

- Cần bổ sung, qui định chi tiết các tiêu chí mang tính định lượng để xác định mức giá xấp xỉ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Khoản 7, Điều 2, Thông tư số 39/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 mới chỉ qui định các tiêu chí mang tính định tính để xác định hàng hóa có trị giá được coi là “xấp xỉ” với nhau.

- Quy định về phương pháp xác định trị giá hải quan của hàng xuất khẩu.

NCS kiến nghị, sửa đổi điểm a, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính: Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất được xác định trên cơ sở giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa, hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương

hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, sau khi đã được qui đổi về giá bán tại cửa khẩu xuất và các chứng từ liên quan phù hợp với hàng hóa thực xuất khẩu.

Điều 4, Thông tư số 39/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 chưa nêu rõ các chi phí phải cộng hoặc trừ trong trị giá hàng xuất khẩu như hàng nhập khẩu dẫn đến phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Cần qui định cụ thể các khoản chi phí phải cộng hoặc trừ trong trị giá hàng xuất khẩu.

- Tại điểm b, Khoản 1, Điều 13 của Thông tư số 39/2015/TT – BTC ngày 25/03/2015 qui định về điều kiện để cộng thêm các khoản điều chỉnh khi xác định trị giá hải quan cho hàng nhập khẩu. Qui định về khoản điều chỉnh cộng là vấn đề dễ gây ra tranh cãi giữa Hải quan và DN. Vì vậy, khắc phục bất cập này cần phải có tiêu chí xác định cụ thể yếu tố liên quan trực tiếp đến hàng hóa NK đối với tất cả các khoản điều chỉnh, quy định chi tiết theo thực tế phát sinh tại Việt Nam.

- Đối với qui định xác định trị giá hải quan cho hàng hóa chuyển đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế. Theo NCS đề xuất bỏ qui định tại Điểm a, Khoản 2, Thông tư số 39/2015/TT – BTC, trường hợp này trị giá hải quan là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán tại thời điểm chuyển đổi mục đích sử dụng.

4.2.2. Hoàn thiện các qui định về kiểm tra trị giá hải quan

Điểm b, khoản 1, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu quy định: Kiểm tra trị giá hải quan đối với trường hợp “hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa có đủ cơ sở bác bỏ là trường hợp trị giá khai báo thấp hơn thông tin rủi ro về trị giá tại cơ sở dữ liệu giá theo quy định của Tổng cục Hải quan”.

Bên cạnh đó, tại Khoản 1, Điều 21, Thông tư 39/2015/TT-BTC lại

quy định: “cơ sở dữ liệu giá là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan Hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được Tổng cục Hải quan xây dựng tập trung, thống nhất và thường xuyên cập nhật. Bao gồm: Hệ thống quản lý dữ liệu giá hải quan; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu kèm theo”. Quy định trên được hiểu là trong quá trình kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại cửa khẩu phải kiểm tra đối với tất cả hàng hóa nằm trong hệ thống quản lý giá GTT02 và Danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về trị giá. Như vậy khối lượng công việc cần thực hiện là quá lớn, hải quan địa phương không đảm bảo yêu cầu về quản lý rủi ro trong lĩnh vực trị giá (gần như 100% tờ khai phát sinh thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ đều phải kiểm tra về trị giá). Điều này sẽ dẫn đến không đảm bảo về thời gian thông quan hàng hóa mà ngành Hải quan đang phấn đấu thực hiện.

NCS đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều b, khoản 1, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC theo hướng:

Thứ nhất, theo NCS việc kiểm tra trị giá hải quan chỉ thực hiện đối với các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về giá do Tổng cục Hải quan ban hành. Các mặt hàng không thuộc Danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về giá do lực lượng kiểm tra sau thông quan tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra theo quản lý rủi ro.

Thứ hai, cần xác định cụ thể biên độ thấp hơn của mức giá khai báo so với mức giá kiểm tra trong trường hợp được coi là nghi vấn, nếu mức khai báo giá thấp hơn nhưng không đáng kể thì có thể xem xét, không đưa vào trường hợp nghi vấn.

NCS đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 24 Thông tư số 39/2015/TT – BTC: bổ sung tiêu chí xây dựng danh mục hàng NK cần thể hiện rõ hàng hóa có kim ngạch XK, NK lớn là bao nhiêu, hoặc hàng hóa được đánh giá mức độ rủi ro cao trong xác định trị giá hải quan cần được quy định rõ ràng.

4.2.3. Hoàn thiện các qui định về tham vấn trị giá hải quan

Qui định tại điểm g1, khoản 3, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC, sau khi tham vấn, “căn cứ biên bản tham vấn, các chứng từ tài liệu do người khai hải quan bổ sung, cơ quan Hải quan yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 5 ngày kể từ ngày kết thúc tham vấn nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai trong trường hợp người khai hải quan đồng ý với cơ sở bác bỏ trị giá khai báo...”. Thực hiện quy định trên, công chức hải quan sẽ phải theo dõi các tờ khai DN khai bổ sung. Để xác định được dấu hiệu nghi vấn gian lận về trị giá, cơ quan Hải quan phải tiến hành kiểm tra khai báo của DN, dữ liệu giá của Tổng cục Hải quan, việc thực hiện được đồng thời các quy định này sẽ rất khó khăn.

Điểm a2, khoản 3 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định: “Căn cứ tình hình thực tế, đặc điểm địa bàn, Cục trưởng Cục Hải quan có thể phân cấp cho Chi cục trưởng Chi cục Hải quan thực hiện việc tham vấn đối với các mặt hàng thuộc diện phải tham vấn”. Nhưng các mặt hàng thuộc diện phải tham vấn lại chưa được qui định cụ thể, mới chỉ có quy định mặt hàng trong Danh mục hàng hóa XK, NK rủi ro về trị giá. Theo NCS Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC cần bổ sung quy định chi tiết các mặt hàng thuộc diện phải tham vấn.

Tại điểm c.1.1, Khoản 3, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định: “Tổ chức tham vấn theo đề nghị của người khai hải quan, kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu do người khai hải quan nộp để làm rõ các dấu hiệu nghi vấn trị giá khai báo”. Trong khi đó, điểm b, Khoản 1, điểm b Khoản 2, điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định chi tiết trường hợp nghi vấn trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ. Theo NCS cần thống nhất sử dụng thuật ngữ giữa các văn bản. NCS đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm c.1.1, Khoản 3, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC như sau: Tổ chức tham vấn theo đề nghị của người khai hải quan, kiểm tra hồ sơ, chứng từ, tài liệu do người khai hải quan nộp để làm rõ các dấu hiệu có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ.

Điểm e, Khoản 3, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định:

“Thời gian thực hiện tham vấn: Tối đa 05 ngày làm việc”, theo NCS quy định như vậy là chưa rõ “Tối đa 05 ngày làm việc” kể từ ngày nào? Kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan, kể từ ngày có quyết định tham vấn hay kể từ ngày bắt đầu tham vấn...? NCS đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm này như sau: “Thời gian thực hiện tham vấn: Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện tham vấn”.

4.2.4. Hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan về trị giá hải quan

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý có liên quan về trị giá hải quan như: Quản lý tài chính, tiền tệ, quản lý thuế, hạch toán kế toán, kiểm tra sau thông quan, điều tra chống buôn lậu, xử lý vi phạm hành chính,...

- Hoàn thiện các qui định về chống bán phá giá, chống trợ giá để thực hiện đầy đủ Hiệp định trị giá GATT/WTO ngay cả trong trường hợp hàng NK được bán phá giá, được trợ giá vẫn xác định được trị giá hải quan.

- Hoàn thiện cơ chế về giao dịch điện tử giữa các DN với cơ quan hải quan, giữa cơ quan hải quan với Nhà nước, Chính phủ và các ngành hữu quan liên quan đến quản lý Nhà nước về hải quan theo Luật giao dịch điện tử.

4.3 Giải pháp hoàn thiện cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam

4.3.1 Hoàn thiện cơ chế, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của các công cụ kiểm tra, kiểm soát trị giá hải quan

4.3.2. Hoàn thiện bộ máy quản lý trị giá hải quan phù hợp với Hiệp định trị giá GATT/WTO và thực tiễn

4.3.3 Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý trị giá hải quan

4.3.4. Hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu trị giá hải quan

4.3.5. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa ngành hải quan và các bộ ngành liên quan; giữa cơ quan hải quan và cộng đồng doanh nghiệp

4.3.6. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế hợp tác quốc tế về kiểm tra, xác định trị giá hải quan và chống gian lận qua trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN

Thực hiện cam kết gia nhập WTO, Việt Nam đã xây dựng và thường xuyên sửa đổi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về trị giá để thực hiện đầy đủ Hiệp định Trị giá GATT/WTO, phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh thương mại trong tiến trình hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế khu vực và thế giới, tạo thuận lợi cho người khai hải quan chủ động xác định trị giá tính thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, góp phần minh bạch hóa chính sách, thúc đẩy hoạt động giao lưu thương mại, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng.

Có thể nói, việc hoàn thiện pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam sẽ góp phần không nhỏ vào việc xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ ở Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế, đáp ứng nhu cầu về một hệ thống pháp luật minh bạch, rõ ràng, vừa đảm bảo sự quản lý của Nhà nước về Hải quan, vừa tạo thuận lợi cho thương mại.

Đề tài Luận án là một đề tài mới, chưa được nghiên cứu tại Việt Nam. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do hạn chế về tài liệu tham khảo, hạn chế về trình độ, Luận án không thể tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý và những người chuyên nghiên cứu trong lĩnh vực này để Luận án được hoàn chỉnh hơn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Chống gian lận thương mại qua trị giá hải quan, *Tạp chí Nghề luật, Học viện Tư pháp*, số 2, năm 2015, trang 33 – 35.
2. Pháp luật về trị giá hải quan ở Việt Nam, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp*, số tháng 4 (277), năm 2015, trang 23 – 25.